ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 635 /KH-UBND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2026*
HỎA TỐC	

KẾ HOẠCH
Ứng phó hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do ảnh hưởng của El Nino giai đoạn 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Thực hiện Công văn số 9694/VPCP-NN ngày 24/9/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc chủ động ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước do ảnh hưởng của El Nino.

Trên cơ sở thông tin cập nhật của các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, hiện tượng ENSO đã chuyển sang trạng thái El Nino. Dự báo:

- Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2026: El Nino duy trì ở cường độ rất mạnh, xác suất lên đến 98%.

- Từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2027: tiếp tục ở mức rất mạnh, có khả năng bắt đầu giảm cường độ so với quý IV năm 2026.

- Nhiều khả năng kéo dài đến những tháng đầu mùa hè năm 2027.

Nhận định nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên diện rộng tại tỉnh Cà Mau bắt đầu từ đầu mùa khô 2026 - 2027 (tháng 11 năm 2026) và có thể kéo dài đến khoảng tháng 5 năm 2027.

Trước tình hình trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch ứng phó hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do ảnh hưởng của El Nino giai đoạn 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Cà Mau là hết sức cấp bách và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Chủ động phòng ngừa từ sớm; bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân là ưu tiên cao nhất; hạn chế thiệt hại về sản xuất, cháy rừng, sụt lún đất và mất an toàn công trình; tập trung nguồn lực vào các địa bàn có nguy cơ cao.

Triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch chủ động, liên tục, kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai; thực hiện ngay các nhiệm vụ, giải pháp của giai đoạn hiện tại, không để gián đoạn, chậm trễ.

Áp dụng nguyên tắc lũy tiến đối với các giai đoạn tiếp theo: kế thừa đầy đủ nội dung, giải pháp của giai đoạn trước; căn cứ cường độ, phạm vi ảnh hưởng thực tế của El Nino để kịp thời bổ sung biện pháp tăng cường và biện pháp khẩn cấp phù hợp với tình hình địa phương.

III. PHẠM VI, KỊCH BẢN VÀ ĐIỀU KIỆN KÍCH HOẠT

1. Phạm vi áp dụng và địa bàn ưu tiên

Kế hoạch được triển khai thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Cà Mau; tập trung chỉ đạo, điều hành và ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các khu vực trọng điểm sau:

a) Về nước sinh hoạt: các xã Biển Bạch, Khánh Lâm, Khánh An, Nguyễn Phích và các địa bàn, điểm dân cư thực tế xảy ra thiếu nước sinh hoạt trên toàn tỉnh.

b) Về sản xuất nông nghiệp: vùng sản xuất lúa ngọt hóa phía Tây kênh Vĩnh Phong; vùng dọc tuyến Quốc lộ 1A; vùng chuyển đổi sản xuất lúa - tôm ở cuối nguồn nước chưa có hệ thống đê bao khép kín, có nguy cơ nhiễm mặn cao.

c) Về phòng, chống thiên tai: khu vực có nguy cơ sụt lún đất tại Tiểu vùng VI, VII thuộc khu vực Bắc Cà Mau; khu vực phòng, chống cháy rừng tại U Minh Hạ; cụm đảo Hòn Khoai.

2. Kịch bản ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai

Căn cứ ranh giới độ mặn 4‰, chiều sâu xâm nhập mặn tính từ cửa sông vào nội đồng và mức độ thiếu hụt nguồn nước ngọt so với trung bình nhiều năm (TBNN), xây dựng 03 kịch bản ứng phó như sau:

a) Kịch bản 1 - Cấp độ 1 (rủi ro thấp): Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập vào nội đồng dưới 25 km; nguồn nước ngọt cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, chỉ xảy ra thiếu nước cục bộ tại các khu vực cuối nguồn. Triển khai các biện pháp theo dõi, cảnh báo, quản lý và sử dụng tiết kiệm nguồn nước, chủ động phòng ngừa nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn.

b) Kịch bản 2 - Cấp độ 2 (rủi ro trung bình): Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập vào nội đồng trên 25 km đến 50 km; nguồn nước ngọt thiếu hụt từ 30% đến 50% so với TBNN. Trên cơ sở các biện pháp của Kịch bản 1, tăng cường điều tiết, phân phối nguồn nước; tổ chức trữ nước ngọt, kiểm soát xâm nhập mặn và ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, các vùng sản xuất trọng điểm.

c) Kịch bản 3 - Cấp độ 3 (rủi ro lớn): Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập vào nội đồng trên 50 km đến 90 km; nguồn nước ngọt thiếu hụt trên 50% so với TBNN. Kế thừa các biện pháp của Kịch bản 2, đồng thời triển khai các giải pháp khẩn cấp nhằm bảo đảm nước sinh hoạt, huy động và điều phối các nguồn nước dự phòng, tổ chức đắp đập tạm để trữ nước ngọt khi cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế; khoanh vùng bảo vệ diện tích sản xuất có nguy cơ thiệt hại cao, tăng cường các biện pháp hạn chế khai thác nước ngầm và phòng, chống sụt lún đất.

Đặc điểm, phạm vi áp dụng, ngưỡng kích hoạt của từng kịch bản được quy định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch.

3. Quy trình kích hoạt kịch bản

a) Theo dõi, đánh giá và đề xuất kích hoạt: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, phân tích số liệu quan trắc độ mặn, nguồn nước mặt, mức độ thiếu hụt nước, khả năng đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, diện tích sản xuất có nguy cơ bị

ảnh hưởng, cấp dự báo cháy rừng và nguy cơ sụt lún đất; đồng thời cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo xu thế trong thời hạn từ 07 đến 15 ngày. Trên cơ sở đó, đánh giá mức độ rủi ro, xác định phạm vi ảnh hưởng và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kích hoạt kịch bản phù hợp với tình hình thực tế tại từng khu vực.

b) Nguyên tắc kích hoạt sớm: Việc kích hoạt kịch bản được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các chỉ số kỹ thuật và tình hình thực tế. Trường hợp có ít nhất một chỉ số vượt ngưỡng quy định hoặc phát sinh tình trạng thiếu nước sinh hoạt cấp bách tại địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định triển khai sớm các biện pháp ứng phó tương ứng, không chờ đầy đủ các điều kiện của kịch bản mới tổ chức ứng phó.

c) Rà soát, cập nhật và điều chỉnh: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, đánh giá diễn biến thiên tai và kết quả triển khai các biện pháp ứng phó để kịp thời báo cáo, đề xuất điều chỉnh cấp độ và phạm vi áp dụng kịch bản phù hợp.

IV. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN NGAY

Các nhiệm vụ dưới đây áp dụng đối với cả ba kịch bản; các cơ quan, đơn vị hoàn thành công tác chuẩn bị theo Phụ lục II, không chờ công bố kích hoạt:

1. Quan trắc, cảnh báo: Thường xuyên cập nhật diễn biến nguồn nước, mức độ xâm nhập mặn, xác định kịp thời các điểm xảy ra hoặc có nguy cơ thiếu nước; xây dựng, cập nhật bản đồ nguy cơ đến cấp xã, ấp; công bố công khai lịch vận hành hệ thống cống; ban hành các khuyến cáo về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nước sinh hoạt: Kiểm kê chi tiết từng hộ dân có nguy cơ thiếu nước, năng lực bồn chứa, công suất các công trình cấp nước và phương tiện vận chuyển nước trên địa bàn; xác lập các điểm cấp nước dự phòng; ưu tiên bảo đảm nguồn nước cho hộ chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đối tượng yếu thế.

3. Bảo vệ sản xuất: Rà soát chặt chẽ diện tích đã và chưa xuống giống; hướng dẫn nông dân thực hiện đúng lịch thời vụ, lựa chọn cơ cấu giống phù hợp; triển khai các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng; xây dựng phương án điều chỉnh cơ cấu sản xuất, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khi cần thiết theo quy định về thẩm quyền.

4. Quản lý công trình thủy lợi và phòng, chống sụt lún đất: Kiểm tra, giám sát tình trạng cống, đập, kênh mương, hệ thống bờ bao và các công trình cấp nước; khắc phục, sửa chữa kịp thời các hư hỏng cấp bách; điều tiết, trữ nước hợp lý theo từng giai đoạn; theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước và các khu vực, tuyến đường có nguy cơ sụt lún đất cao để có giải pháp ứng phó kịp thời.

5. Phòng cháy, chữa cháy rừng: Kiểm tra đầy đủ phương tiện, trang thiết bị; tổ chức lực lượng trực; bảo đảm nguồn nước và phương án ứng phó tại khu vực rừng U Minh Hạ và cụm đảo Hòn Khoai; điều tiết nguồn nước theo phương án đã được phê duyệt, tránh để xảy ra ngập sâu tại các khu rừng suy thoái, dễ bị tổn thương.

6. Thông tin: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quản lý khai

thác công trình thủy lợi) chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường lồng ghép tổ chức tập huấn để hướng dẫn nông dân một số biện pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tuyên truyền đến khóm/ấp và hộ gia đình sử dụng nước tiết kiệm, chủ động mua sắm dụng cụ chứa nước và trữ nước vào cuối mùa mưa, không trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, sử dụng nước tiết kiệm khi xảy ra hạn; tăng cường giải pháp trữ nước hộ gia đình.

V. NHIỆM VỤ CỤ THỂ THEO CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ

1. Kịch bản 1: Ứng phó tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn cục bộ

Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp theo nhiệm vụ được phân công tại Mục IV của Kế hoạch nhằm kiểm soát xâm nhập mặn, quản lý và sử dụng tiết kiệm nguồn nước, giữ ổn định tình hình, hạn chế nguy cơ thiếu nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Ưu tiên bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân tại các khu vực khan hiếm nước ngọt thuộc địa bàn các xã Biển Bạch, Nguyễn Phích, Khánh Lâm và Khánh An; đồng thời tăng cường theo dõi diễn biến độ mặn, nguồn nước và tình hình thiếu nước tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng để chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp.

2. Kịch bản 2: Tăng cường kiểm soát và ứng phó xâm nhập mặn diện rộng

Tiếp tục duy trì đầy đủ các giải pháp của Kịch bản 1, đồng thời tăng cường các biện pháp quản lý, điều tiết và phân phối nguồn nước; chủ động bảo vệ sản xuất, phòng cháy, chữa cháy rừng và hạn chế nguy cơ sụt lún đất, cụ thể như sau:

a) Theo dõi, điều tiết và phân phối nguồn nước: Tăng tần suất quan trắc độ mặn tại các vị trí trọng điểm; rà soát, điều chỉnh phương án vận hành hệ thống công trình thủy lợi phù hợp với diễn biến nguồn nước và nhu cầu sử dụng; tổ chức phân vùng cấp nước, ưu tiên nước sinh hoạt và các khu vực sản xuất trọng điểm.

b) Chủ động trữ nước và bảo đảm cấp nước: Rà soát khả năng trữ nước của hệ thống kênh, rạch, ao, hồ và các công trình hiện có; xây dựng phương án bơm chuyển, trữ nước ngọt, đắp đập tạm tại các vị trí cần thiết và bảo đảm điều kiện kỹ thuật nhằm giữ nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất. Chủ động chuẩn bị vật tư, phương tiện và phương án cấp nước bổ sung cho các khu vực có nguy cơ thiếu nước.

c) Bảo vệ sản xuất nông nghiệp: Khoanh vùng, xác định diện tích có nguy cơ thiếu nước tưới; hướng dẫn người dân điều chỉnh kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ và áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm phù hợp với từng loại cây trồng, mô hình sản xuất. Tập trung bảo đảm nguồn nước cho diện tích lúa Đông Xuân và các vùng sản xuất lúa - tôm có điều kiện duy trì sản xuất an toàn.

d) Phòng cháy, chữa cháy rừng: Tăng cường trực ban, tuần tra, kiểm tra và duy trì mực nước phù hợp tại các khu vực có nguy cơ cháy rừng, trọng tâm là rừng U Minh Hạ và cụm đảo Hòn Khoai.

e) Phòng, chống và hạn chế sụt lún: Theo dõi các khu vực có nguy cơ sụt lún, sạt lở; kiểm tra, bảo vệ công trình thủy lợi, tuyến giao thông và hạ tầng thiết yếu,

đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế khai thác nước dưới đất không hợp lý.

3. Kịch bản 3: Tăng cường các biện pháp cấp bách ứng phó ở mức cao

Tiếp tục thực hiện các giải pháp của Kịch bản 2; đồng thời huy động tối đa lực lượng, phương tiện và nguồn lực để bảo đảm nước sinh hoạt, giữ và trữ nước ngọt, giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất, đời sống nhân dân và các công trình hạ tầng thiết yếu.

a) Bảo đảm cấp nước sinh hoạt khẩn cấp: Tổ chức cấp nước khẩn cấp cho các khu vực thiếu nước nghiêm trọng bằng xe bồn, sà lan hoặc phương tiện phù hợp; thiết lập các điểm cấp nước tập trung, trạm cấp nước tạm thời và huy động các nguồn nước an toàn có thể khai thác, vận chuyển, phân phối. Ưu tiên tuyệt đối nhu cầu nước sinh hoạt thiết yếu của người dân, nhất là các khu vực bị cô lập hoặc không còn nguồn nước ngọt bảo đảm chất lượng.

b) Triển khai giải pháp công trình giữ và trữ nước ngọt: Khẩn trương tổ chức đắp đập tạm, đóng mở cống, điều tiết dòng chảy, bơm chuyển và trữ nước ngọt tại các vị trí cần thiết theo điều kiện thực tế; ưu tiên các khu vực có khả năng giữ nước, nhu cầu sử dụng lớn và nguy cơ thiệt hại cao. Việc triển khai phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, an toàn công trình, khả năng tiêu thoát nước và hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến khu vực lân cận.

c) Điều chỉnh sản xuất để giảm thiểu thiệt hại: Căn cứ tình hình nguồn nước và dự báo diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn, hướng dẫn người dân điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng và phương án sản xuất; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét hạn chế hoặc tạm dừng xuống giống tại những khu vực không bảo đảm nguồn nước tưới, có nguy cơ thiệt hại cao.

d) Bảo vệ rừng và công trình hạ tầng trọng yếu: Huy động lực lượng, phương tiện triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng ở mức cao nhất theo cấp dự báo cháy rừng và tình hình thực tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát các khu vực có nguy cơ sụt lún, sạt lở; tổ chức xử lý kịp thời các sự cố, bảo đảm an toàn hệ thống công trình thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.

đ) Tổ chức huy động và điều phối nguồn lực: Rà soát, huy động vật tư, thiết bị, nhân lực và kinh phí dự phòng; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên cập nhật tình hình, đánh giá hiệu quả các biện pháp đã triển khai để kịp thời điều chỉnh phương án ứng phó, bảo đảm sử dụng nguồn lực đúng trọng tâm, hiệu quả và phù hợp với mức độ rủi ro.

(Công việc, thời hạn, đơn vị chủ trì thực hiện các Kịch bản được nêu tại Mục IV và Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí dự kiến

a) Kịch bản 1 - Cấp độ 1 (rủi ro thấp): triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó cơ bản, chủ động phòng ngừa, bảo đảm nước sinh hoạt và sản xuất. Tổng kinh phí dự kiến 500 triệu đồng.

b) Kịch bản 2 - Cấp độ 2 (rủi ro trung bình): tiếp tục duy trì đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp của Kịch bản 1; đồng thời tăng cường kiểm soát, ứng phó tình trạng xâm nhập mặn diện rộng, bảo vệ sản xuất, phòng cháy, chữa cháy rừng và hỗ trợ sản xuất khi thiếu nước. Kinh phí bổ sung dự kiến 37.642 triệu đồng so với Kịch bản 1; tổng kinh phí lũy kế của Kịch bản 2 là 38.142 triệu đồng.

c) Kịch bản 3 - Cấp độ 3 (rủi ro lớn): tiếp tục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp của Kịch bản 2; đồng thời huy động tổng lực các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai ngay các biện pháp khẩn cấp nhằm giữ, trữ và điều tiết nước ngọt, bảo đảm nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, hạn chế thiệt hại do hạn hán và xâm nhập mặn. Kinh phí bổ sung dự kiến 128.884 triệu đồng so với Kịch bản 2; tổng kinh phí lũy kế của Kịch bản 3 là 167.026 triệu đồng.

(Nguồn kinh phí triển khai các giải pháp ứng phó theo lũy kế tăng dần theo mức độ các Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này)

2. Nguồn vốn và huy động nguồn lực

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách (bao gồm: dự toán được giao đầu năm, nguồn dự phòng ngân sách, các chương trình, dự án được phép lồng ghép), kinh phí hợp pháp của các đơn vị và các nguồn hỗ trợ, tài trợ, huy động hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền.

Trường hợp kích hoạt mức ứng phó cao hơn, phát sinh nhu cầu kinh phí vượt khả năng cân đối, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá và đề xuất kích hoạt, điều chỉnh các kịch bản ứng phó; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, đơn vị quản lý công trình thủy lợi, cấp nước, lâm nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Lập phương án ứng phó chi tiết cho từng kịch bản theo nguyên tắc lũy tiến, xác định rõ nhiệm vụ, địa bàn, khối lượng, nguồn lực, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và kết quả đầu ra; rà soát điều kiện kích hoạt, phạm vi áp dụng và giải pháp tương ứng.

b) Điều tiết và trữ nước ngọt, đề xuất phương án vận hành công trình thủy lợi, lịch điều tiết nước, kiểm soát xâm nhập mặn và phân phối nước theo từng tiểu vùng; xác định vị trí, điều kiện đắp đập tạm, bơm chuyển, trữ nước ngọt trên kênh cấp 3, kênh nội đồng, bảo đảm phù hợp thủy văn, nhu cầu dùng nước, an toàn công trình và hạn chế ảnh hưởng đến khu vực lân cận.

c) Bảo đảm nước sinh hoạt: Phối hợp với Sở Y tế, Sở Xây dựng, đơn vị cấp nước và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát khu vực, hộ dân có nguy cơ thiếu nước; đánh giá năng lực công trình cấp nước, bồn chứa, phương tiện vận chuyển, nguồn nước dự phòng; xây dựng phương án cấp nước bổ sung (cấp nước tập trung,

vận chuyển nước, điểm cấp nước dự phòng, trạm cấp nước tạm thời), ưu tiên khu vực khan hiếm nước ngọt, hộ chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn và đối tượng dễ bị tổn thương.

d) Bảo vệ sản xuất, rừng và hạ tầng: Rà soát diện tích sản xuất có nguy cơ thiếu nước, nhiễm mặn; đề xuất giải pháp bảo vệ lúa Đông Xuân, vùng lúa - tôm và các vùng sản xuất trọng điểm; chuẩn bị phương án điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu sản xuất theo thẩm quyền; phối hợp triển khai phòng cháy, chữa cháy rừng, hạn chế sụt lún đất và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, giao thông có nguy cơ bị ảnh hưởng.

đ) Tổng hợp nhu cầu kinh phí: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổng hợp danh mục nhiệm vụ, khối lượng, dự toán, nguồn vốn đã bố trí và phần còn thiếu theo từng kịch bản; phân định rõ nhiệm vụ chung, Kịch bản 1 và phần tăng thêm của Kịch bản 2, Kịch bản 3, bảo đảm không tính trùng khối lượng và kinh phí đã bố trí. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày Kế hoạch được ban hành, gửi Sở Tài chính hồ sơ nhu cầu kinh phí; hoàn thiện hồ sơ dự toán, phương án huy động nguồn lực đối với Kịch bản 2 và Kịch bản 3 chậm nhất ngày 05/11/2026.

e) Theo dõi, đánh giá và kích hoạt kịch bản: Chủ trì tổng hợp số liệu quan trắc độ mặn, tình hình nguồn nước, mức độ thiếu hụt nước, khả năng đáp ứng nước sinh hoạt, diện tích sản xuất có nguy cơ thiệt hại, cấp dự báo cháy rừng, nguy cơ sụt lún đất và các bản tin dự báo; đánh giá mức độ rủi ro, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kích hoạt hoặc điều chỉnh kịch bản. Khi có chỉ số vượt ngưỡng hoặc thiếu nước sinh hoạt cấp bách, chủ động đề xuất triển khai sớm các biện pháp tương ứng, không chờ đủ các chỉ số của kịch bản.

g) Phân công tổ công tác hỗ trợ xã, phường làm đầu mối chuyên môn theo dõi, hỗ trợ từng địa bàn và nhóm nhiệm vụ; hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ"; kiểm tra, đánh giá kết quả, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

h) Thông tin, báo cáo: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 01 tháng/lần về tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, kết quả thực hiện Kế hoạch và nhu cầu điều chỉnh phương án. Khi kích hoạt Kịch bản 3, theo dõi sát các địa bàn trọng điểm và báo cáo nhanh hằng ngày trong thời gian cao điểm, tối đa 10 ngày mỗi đợt; căn cứ diễn biến thực tế đề xuất tiếp tục, điều chỉnh hoặc kết thúc chế độ báo cáo này. Khi thiên tai diễn biến đột xuất hoặc phát sinh tình huống cấp bách, báo cáo ngay và đề xuất biện pháp xử lý, không phụ thuộc kỳ báo cáo định kỳ.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường (là cơ quan đầu mối tổng hợp nhu cầu kinh phí), Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành. Hướng dẫn việc lập dự toán, bố trí, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của số liệu, thông tin báo cáo trên địa bàn, nhất là số hộ dân thiếu nước sinh hoạt và diện tích sản xuất nông nghiệp có nguy cơ bị thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn; căn cứ tình hình thực tế từng ấp, khóm để tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Lập và tổ chức thực hiện phương án ứng phó: Xây dựng phương án ứng phó theo từng kịch bản (Kịch bản 1, Kịch bản 2, Kịch bản 3) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, khối lượng công việc, nguồn lực tại chỗ theo phương châm "4 tại chỗ", người chịu trách nhiệm, thời hạn thực hiện và kết quả cần đạt theo nguyên tắc "6 rõ". Chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền; đối với nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định.

b) Bảo đảm nước sinh hoạt: Rà soát, lập danh sách các hộ dân có nguy cơ thiếu nước sinh hoạt, ưu tiên hộ chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế; đánh giá khả năng trữ nước, hiện trạng công trình cấp nước và phương tiện vận chuyển nước trên địa bàn. Xác định các điểm cấp nước dự phòng, tổ chức phương án cấp nước bổ sung đến từng ấp, khóm, bảo đảm kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân.

c) Bảo vệ sản xuất và chủ động trữ nước ngọt: Rà soát diện tích đã xuống giống, chưa xuống giống và diện tích có nguy cơ thiếu nước ngọt, nhiễm mặn; xác định nhu cầu trữ nước và khả năng cấp nước cho từng vùng sản xuất. Chủ động đề xuất, tổ chức thực hiện các giải pháp đắp đập tạm, bơm chuyển, trữ nước ngọt trên kênh cấp 3 và kênh nội đồng theo phân cấp quản lý, bảo đảm an toàn công trình và không gây ảnh hưởng bất lợi đến khu vực lân cận. Xây dựng phương án điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu sản xuất; việc điều chỉnh chỉ thực hiện theo thẩm quyền hoặc quyết định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

d) Phòng, chống cháy rừng, sụt lún và bảo vệ hạ tầng: Đối với địa phương có rừng, công trình thủy lợi, đê điều hoặc tuyến giao thông có nguy cơ bị ảnh hưởng, chủ động rà soát, xây dựng và triển khai các biện pháp phòng, chống cháy rừng, hạn chế sụt lún đất, bảo vệ công trình và hạ tầng thiết yếu theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện dự phòng tại chỗ; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các sự cố vượt khả năng của địa phương.

đ) Tổng hợp nhu cầu kinh phí: Rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo từng kịch bản; xác định nguồn kinh phí đã được giao, các nguồn hợp pháp có thể huy động và phần kinh phí còn thiếu. Gửi báo cáo, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

e) Tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả: Chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó thuộc thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra, giám sát, xác nhận kết quả thực hiện tại từng ấp, khóm. Đối với tình huống cấp thiết, chủ động triển khai ngay các biện

pháp thuộc thẩm quyền để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân và hạn chế thiệt hại; đồng thời thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền hoặc cần huy động nguồn lực cấp tỉnh, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chuyên môn liên quan để phối hợp xử lý.

g) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo: Định kỳ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường 01 tháng/lần, bắt đầu từ ngày 30/10/2026. Khi phát sinh tình huống đột xuất như thiếu nước sinh hoạt nghiêm trọng trên diện rộng, nguy cơ cháy rừng cao, sự cố công trình thủy lợi, đê điều hoặc các tình huống có nguy cơ gây thiệt hại lớn, phải kịp thời báo cáo nhanh cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường); đối với tình huống đặc biệt nghiêm trọng, thực hiện báo cáo hỏa tốc từ khi phát hiện đồng thời chủ động triển khai các biện pháp xử lý ban đầu thuộc thẩm quyền.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; người đứng đầu chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kịp thời xem xét, quyết định, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- UBND các xã, phường;
- Chi cục Thủy lợi;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD (Kha29);
- Lưu: VT, TH171/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử